

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NP
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2018.

“V/v Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NP, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vàng Thị Dưa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vàng A Hý;
2. Ông Hoàng Xuân Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về Không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Tẩn San M, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Bản SC1, xã NH, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

+ Bị đơn: Phùng Trần Q, sinh năm: 1977; Tên gọi khác: Phùng A Y, Phùng Chàn Q;

Địa chỉ: Bản SC1, xã NH, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam H, huyện P, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn (Có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì Tẩn San M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tẩn San M và anh Phùng Trần Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không đi đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh Phùng Trần Q không chịu khó làm ăn, đi theo bạn bè chơi bời

rồi nghiện ma túy, đã vi phạm pháp luật nhiều lần. Đến năm 2011 anh Phùng Trần Q bị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội vận chuyển trái phép chất ma túy tại bản án số 70/2011/HSST ngày 22/9/2011. Hiện anh Phùng Trần Q phải đi chấp hành hình phạt tù tại trại giam H, huyện P, tỉnh Sơn La. Chị Tẩn San M một mình nuôi 3 con chung, cuộc sống gặp nhiều khó khăn. Nay chị M thấy không còn tình cảm với anh Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với anh Q.

Về nuôi con chung: Chị Tẩn San M và anh Q có 03 con chung, nay còn 01 con chưa trưởng thành là Phùng Ông L, sinh ngày 24/8/2003. Chị M có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lữ đến trưởng thành và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh Q có một nhà tạm và không có nợ chung. Hiện chị M đang ở cùng với con trai lớn là Phùng A P sinh năm 1992. Nay do anh Q đang đi trại nên chị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung.

Ngày 14/5/2018 chị Tẩn San M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên thu thập chứng cứ trong vụ án do bị đơn Phùng Trần Q đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam H, huyện P, tỉnh Sơn La.

Ngày 14/5/2018 Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2018/QĐ-UTTA về việc ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La tiến hành lấy lời khai của bị đơn Phùng Trần Q.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La đối với bị đơn Phùng Trần Q, anh Q khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q thống nhất với lời khai của chị Tẩn San M về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống như vợ chồng, về con chung. Anh Q thừa nhận, trong quá trình chung sống 23 năm với chị M, giữa anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Do anh Q nghiện ma túy nên đã vi phạm pháp luật nhiều lần. Nay chị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên giải quyết không công nhận vợ chồng, anh Q không nhất trí với yêu cầu của chị M.

Về con chung: Có 03 con chung, 02 con đã trưởng thành, hiện còn 01 con chung chưa thành niên là Phùng Ông L sinh năm 2003. Anh Q có yêu cầu sau khi chấp hành án về địa phương được nuôi cháu Lữ và không yêu cầu chị M cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị M có một ngôi nhà do anh chị tự làm và một mảnh đất nương do bố mẹ anh Q cho. Ngoài ra còn 05 con trâu, trong đó bố mẹ anh Q cho 2 con, còn 03 con là do sinh sản ra. Anh Q có yêu cầu để lại nhà đất cho con trai lớn là Phùng A P sử dụng và yêu cầu Tòa án chia đôi số trâu cho anh Q sử dụng một nửa. Anh Q và chị M không có nợ chung.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 53 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên không công nhận vợ chồng giữa chị Tần San M và anh Phùng Trần Q; Giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành và miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án Hôn nhân gia đình do chị Tần San M khởi kiện yêu cầu được Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh Phùng Trần Q. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn Q có hộ khẩu thường trú tại bản SC1, xã NH, huyện NP nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NP. Hiện anh Q đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam H, huyện P, tỉnh Sơn La nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Phùng Trần Q.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Tần San M và anh Phùng Trần Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, tuy có đầy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*". Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị M thấy phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành, cần được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh Q.

[3] *Về nuôi con chung:* Hai anh chị có 03 con chung, còn 01 con là Phùng Ông L sinh ngày 24/8/2003 chưa trưởng thành. Xét yêu cầu được nuôi con của chị M và anh Q thấy: Hiện anh Q đang trong thời gian chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lữ cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Lữ cần tuyên giao cháu Lữ cho chị M nuôi dưỡng, giáo dục. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Q đang trong thời gian chấp hành án nên chưa có điều kiện, HĐXX không đề cập xem xét trong vụ án này. Đồng thời tuyên các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất là có một ngôi nhà và đất nương do bố mẹ chồng cho, không có nợ chung. Theo chị M do anh Q đang đi chấp hành án nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này. Anh Q có nguyện vọng là để ngôi nhà và đất nương cho con trai lớn là Phùng A P sinh năm 1992 sử dụng và chia đôi số trâu 05 con, mỗi bên sử dụng một nửa. Xét yêu cầu của các đương sự thấy: Về tài sản chung do nguyên đơn chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/5/2018 bị đơn Q có nguyện vọng để lại nhà và đất nương cho con trai là Phùng A P sử dụng và chia đôi số trâu 05 con. Xét yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Hiện bị đơn đang đi chấp hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần tài sản chung trong cùng vụ án, tách phần tài sản chung giải quyết trong một vụ án khác theo yêu cầu của đương sự.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Nguyên đơn chị Tần San M được miễn án phí Dân sự sơ thẩm, có đơn xin miễn án phí Dân sự sơ thẩm do thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 16, Khoản 2 Điều 53 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tần San M và anh Phùng Trần Q.

[2] *Về nuôi con chung*: Giao cháu Phùng Ông L, sinh ngày 24/8/2003 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung, không giải quyết trong vụ án này.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn Tần San M được miễn án phí Dân sự sơ thẩm do thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện NP;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện NP;
- UBND xã NH;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vàng Thị Dưa